

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

7 4 7 2 1 2 5 8 1 3 0 0 4 4 4

CHỨNG NHẬN

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

1/ Tên công trình: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Địa chỉ: đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sàn XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Nhà Xưởng	3	4.320		Bct, thép	01	2006
02	Nhà Trưng bày	4	300,98		Bct	01	2006

2/ Đất có công trình xây dựng:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): AB 722440 ngày 27/ 6/2006

Thửa đất số: 16 E-9B-CN

Diện tích: 20.000 m²

* Sử dụng riêng: 20.000 m²

Sử dụng chung: m²

Đất được giao hoặc thuê: Đất thuê lại

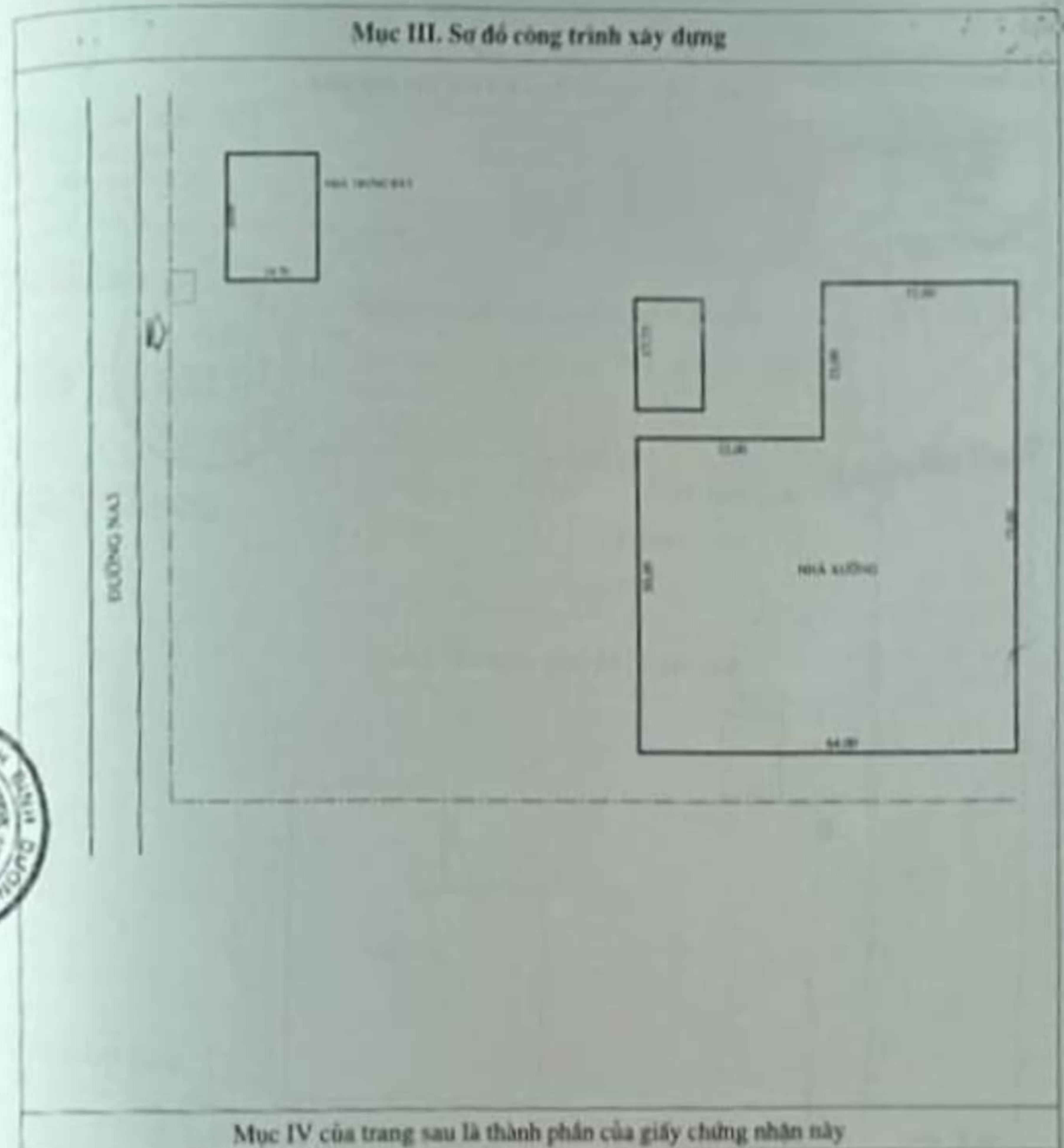
Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm):

68 /HĐ TD ngày 12/ 4/2006

Thời gian thuê từ ngày tháng năm

đến ngày tháng 11 năm 2054

Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng



Mục IV của trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Thủ Dấu Một, ngày 12 tháng 12 năm 2007

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương



Trần Thị Kim Tân

Hồ sơ gốc số 338/CN-SHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

7 4 7 2 1 2 5 8 1 3 0 0 3 6 2

CHỨNG NHẬN

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

1/ Tên công trình: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM
Địa chỉ: đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

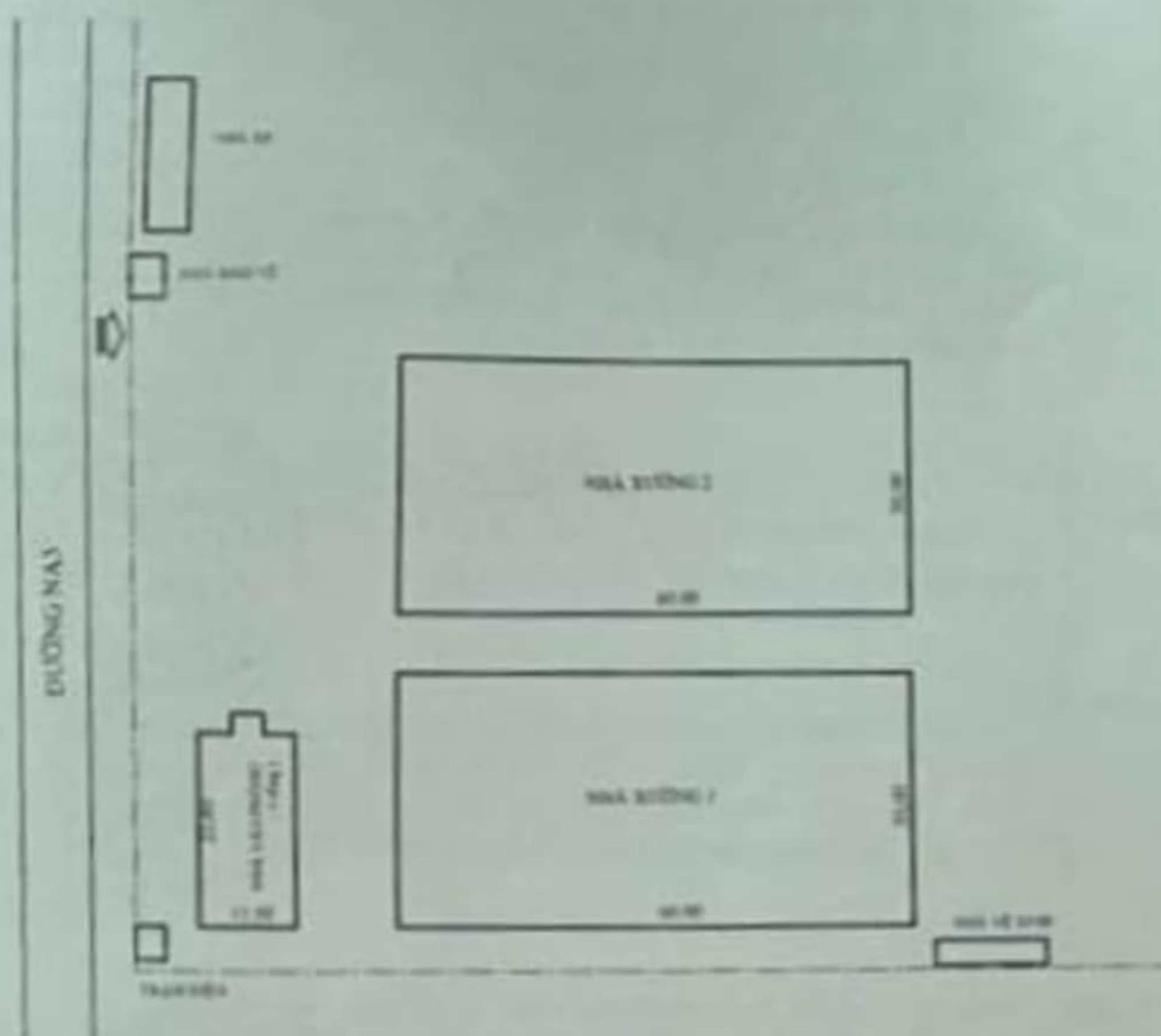
Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sàn XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Nhà Xưởng 1	3	1.800		Khung thép	01	2006
02	Nhà Xưởng 2	3	1.800		Khung thép	01	2006
03	Nhà Văn phòng	4	270,84	543,78	Btct	02	2006
04	Nhà Xe	4	90		Khung thép	01	2006
05	Nhà Bảo vệ	4	20		Btct	01	2006
06	Nhà Vệ sinh	4	39		Btct	01	2006
07	Trạm điện	4	14		Btct	01	2006

2/ Đất có công trình xây dựng:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): AB 722440 ngày 27/ 6/2006	Đất được giao hoặc thuê: Đất thuê lại
Thửa đất số: 16 E-9B-CN	Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm): 68 /HD.TĐ ngày 12/ 4/2006
Diện tích: 20.000 m ²	Thời gian thuê từ ngày tháng năm
Sử dụng riêng: 20.000 m ²	đến ngày tháng năm 2054
Sử dụng chung: m ²	



Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng



Mục IV của trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 8 năm 2007

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ sơ gốc số 148/CĐ, SHT

Trần Thị Kim Tân

Mẫu CD4 ban hành theo
QĐ số 998/2001/QĐ-BCA(C11)
ngày 10 - 10 - 2001

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN T. BÌNH DƯƠNG
Số 4.041/ĐKMD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ ĐĂNG KÝ MẪU DẤU

Căn cứ Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001, Nghị định số 31/2001/NĐ-CP ngày 01/4/2009 của Chính phủ và Thông tư số 07/2010/TT-BCA ngày 05/02/2010 của Bộ Công an về việc quản lý và sử dụng con dấu.

Công an ...**Bình Dương**... Phòng **CS. QLHC. về TTXH**
chứng nhận mẫu dấu dưới đây của

.....**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**.....
.....**SECURENMAN VIỆT NAM**.....

đã đăng ký và được phép sử dụng từ ngày **16** tháng **5** năm **2014**..

Có giá trị đến ngày **16** tháng **5** năm **2019**

MẪU DẤU ĐĂNG KÝ

Ngày **16** tháng **5** năm **2014**

KT. TRƯỞNG PHÒNG CS. QLHC. VỀ TTXH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Phạm Thành Long

Quyển số: 08 Tờ: 1079

THÔNG BÁO

Về việc: Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Năm 2006, 2007, 2008 (chuyển lần 2)

Kính gửi: Cục thuế tỉnh Bình Dương

1. Tên nhà đầu tư nước ngoài: TAIWAN SECUREMAN CO., LTD
Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) Tổ chức Cá nhân
2. Tên doanh nghiệp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn:
CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM
Giấy chứng nhận đầu tư số 462043000131 ngày 26/04/2014 (Giấy phép cũ số 331/GP-KCN-BD ngày 01/11/2005) do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính của DN: Đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, Bình Dương
Mã số thuế: 3700674602 Tel. 3567 736/ 737 Fax. 3556 514

3. Phần đăng ký lợi nhuận chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư:

STT	Chỉ tiêu	Số lợi nhuận
I	Số lợi nhuận được chia hoặc thu được trong kỳ	35.909.747.703 đồng
1	Lợi nhuận được chia hoặc thu được từ hoạt động đầu tư	35.909.747.703 đồng
2	Lợi nhuận thu được khác	0 đồng
II	Số lợi nhuận đã sử dụng	7.417.600.000 đồng
1	Chuyển lợi nhuận từ năm 2006 đến năm 2008 lần thứ 1	7.417.600.000 đồng
III	Số lợi nhuận chuyển kỳ này	28.492.147.703 đồng

4. Số lợi nhuận đề nghị chuyển ra nước ngoài lần này:

Bằng tiền (ngoại tệ USD): 1.341.059.38 USD

Tỷ giá quy đổi: 21.246 VND/USD, là tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày /11/2014.

Số tiền chuyển được rút ra từ tài khoản số 652.10.37.0000.33.4 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước.

Cam đoan những thông tin trên đây là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã thông báo.

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp



Số: 03-2014/CV/SEC-BIDV

Ngày 10 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - Chi nhánh Mỹ Phước
Về việc: Chuyển lợi nhuận 2006, 2007, 2008 (lần 2) ra nước ngoài.

Chúng tôi, Công ty TNHH Securenman Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được đầu tư bởi Công ty TNHH Secreman TaiWan. Dự án đầu tư tại đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Số tài khoản vốn: **652 10 37 0000 334** - Mở tại: Chi nhánh Mỹ Phước.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn kinh doanh số lợi nhuận thu được của công ty chúng tôi từ khi đầu tư 2006 đến năm 2008 (căn cứ Báo cáo tài chính 2006; 2007; 2008) là: **35.909.747.703 đồng** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm lẻ chín triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm lẻ ba đồng). Số thuế Thu nhập Doanh nghiệp công ty chúng tôi còn đang ưu đãi giảm 3 năm, từ năm 2006 đến năm 2008.

Công ty chúng tôi đã được Cục thuế tỉnh Bình Dương cấp Giấy xác nhận số 7138/CT-KTT3 ngày 21/07/2010. Về việc Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế

Theo quyết định ngày 01/07/2010 của nhà đầu tư Công ty TNHH Secreman TaiWan sẽ chuyển hết số lợi nhuận trên về trụ sở chính tại số 01F, số 56, Lane 308, Sec 3, Hoping E road, Ta An Dist, Taipei City, TaiWan.

Ngày 29/07/2010 công ty chúng tôi đã chuyển lần 1 là: **7.417.600.000 đồng** (400.000 USD)

Số lợi nhuận còn lại, công ty đề nghị ngân hàng chuyển lần này là: **28.492.147.703 đồng**

Số ngoại tệ đề nghị chuyển: Đô la mỹ (USD) tỷ giá quy đổi theo quy định của ngân hàng.

Nay công ty chúng tôi gửi Quý ngân hàng hồ sơ, kính mong Quý ngân hàng xem xét hồ sơ của công ty chúng tôi, để công ty chúng tôi được phép chuyển lợi nhuận ra nước ngoài theo số tiền lợi nhuận còn lại nêu trên.

Cám ơn Quý Ngân hàng và trân trọng kính chào!

CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM



TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138/CT-KTT3
V/v xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.

Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 07 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Địa chỉ: đường NA3, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, Bình Dương.

Mã số thuế: 3700674602.

Cục Thuế tỉnh Bình Dương có nhận được Công văn số 01-07.2010/CV.CTY ngày 01/07/2010 của Công ty TNHH Securenman về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế năm 2006, 2007, 2008.

Căn cứ tình hình kê khai báo cáo thuế định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tài chính đã kiểm toán) năm 2006, 2007, 2008 và sổ theo dõi thu nộp thuế. Cục thuế xác nhận:

- Năm 2006 số thuế TNDN phát sinh: 1.433.579.498 đồng
- Năm 2007 số thuế TNDN phát sinh: 2.448.163.301 đồng
- Năm 2008 số thuế TNDN phát sinh: 4.504.128.566 đồng

Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (theo giấy phép đầu tư).

Đến thời điểm xác nhận (19/07/2010) Công ty chưa được kiểm tra quyết toán thuế.

Cục Thuế Bình Dương xác nhận và thông báo đến Công ty TNHH Securenman Việt Nam theo đề nghị./.

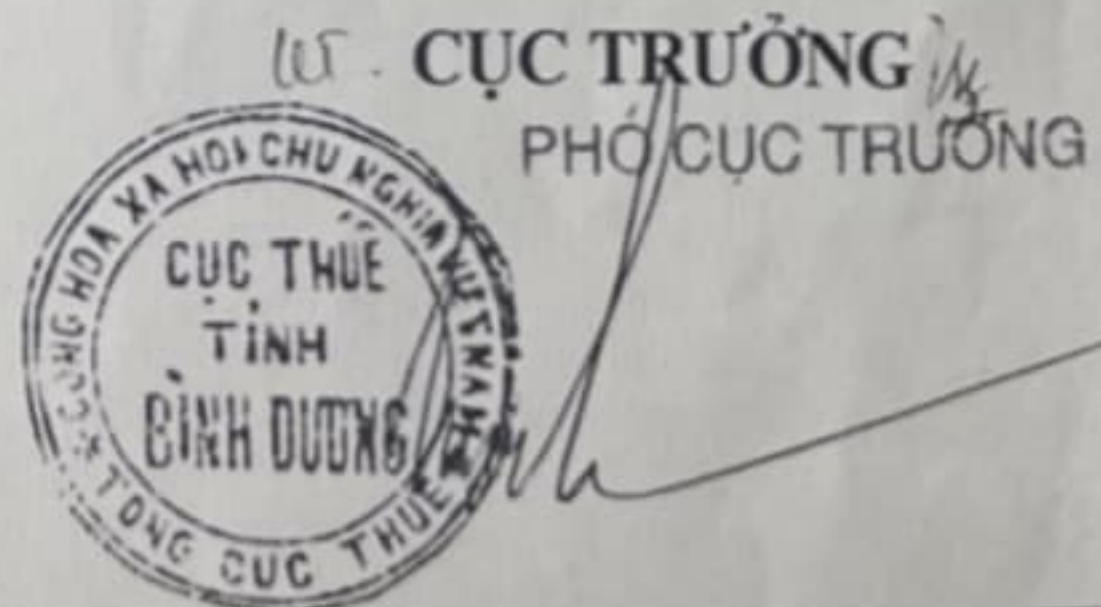
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTT3
(100715/144/66198)

CỤC THUẾ T. BÌNH DƯƠNG
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày... 05... / 11... / 2014...



Vương Thành Phương



VÕ THANH BÌNH

Kính gửi: CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

"V/v: Xin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế liên quan đến việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài"

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM
- Mã số thuế: 3700674602
- Địa chỉ: Đường NA₃, KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Giấy chứng nhận đầu tư số 462043000131 do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Bình Dương cấp ngày 27 tháng 02 năm 2009.
- Ngành kinh doanh: Sản xuất gia công các loại cửa, vật trang trí nội thất bằng gỗ và kim loại, các loại máng dây điện công nghiệp, các loại sản phẩm bằng gỗ, thép và các phụ kiện liên quan. Sản xuất gia công dán ván lạng, Ván ép, Ngũ kim (khoá, bản lề, tay đẩy hơi, tay nắm các loại và các phụ kiện có liên quan); nhôm các loại (nhôm đúc, nhôm định hình, lan can nhôm), sơn tĩnh điện.
- Các ưu đãi về thuế khi thực hiện dự án Công ty chúng tôi được hưởng như sau:
 - + Thuế thu nhập Doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.
 - + Miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo
- Công ty chúng tôi chính thức đi vào hoạt động và phát sinh doanh thu từ tháng 04 năm 2006. Lợi nhuận thu được từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty chúng tôi như sau:

- Năm 2006:	3.450.768.173 đồng
- Năm 2007:	2.448.163.301 đồng
- Năm 2008:	30.010.816.229 đồng
CỘNG :	35.909.747.703 đồng

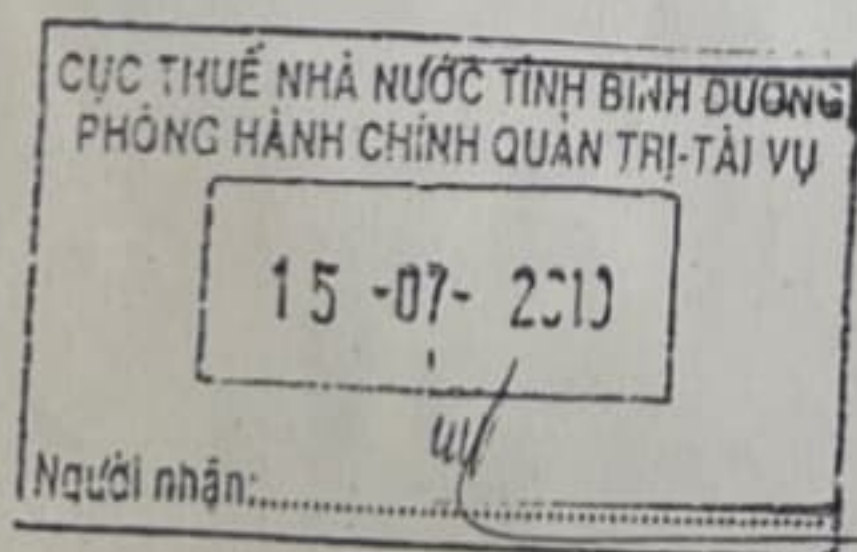
Số lợi nhuận trên Công ty chúng tôi đang được miễn thuế thu nhập Doanh nghiệp (miễn thuế 3 năm)

Vậy hôm nay, Công ty chúng tôi làm công văn này gửi đến Quý Cơ quan xin xác nhận Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành nghĩa vụ thuế liên quan đến số thu nhập từ năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 để xin chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Kính mong sự xem xét của Quý Cơ Quan

Trân trọng kính chào!

Bến Cát, ngày 01 tháng 07 năm 2010



Vương Thành Phương

消防系统

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG SECURENMAN

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC MÀNG NGĂN CHÁY

ĐỊA ĐIỂM

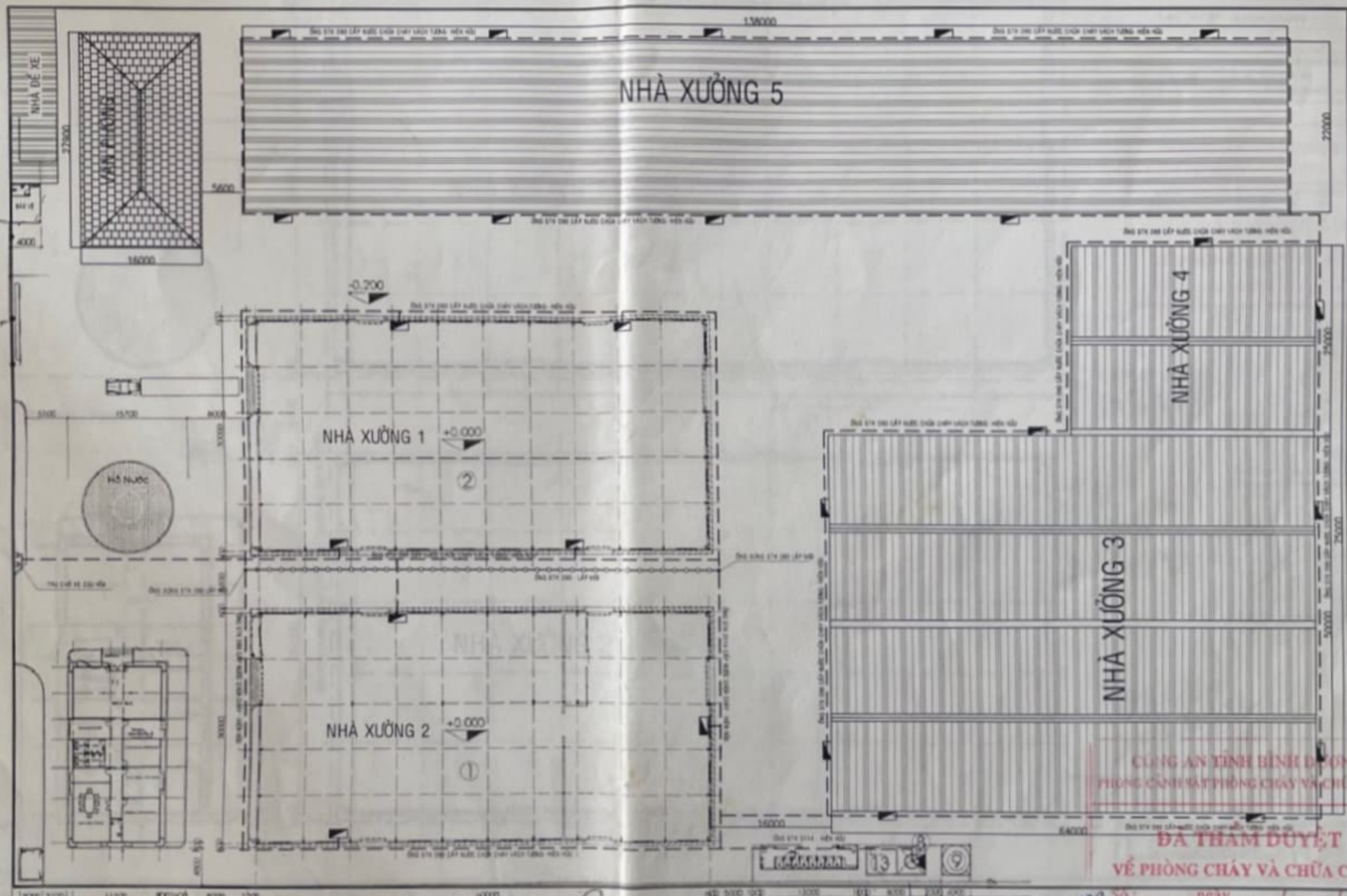
ĐƯỜNG NA 3 - KCN MỸ PHƯỚC 2 - H. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Bình Dương- Tháng 05 năm 2010

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIẾN UY
ĐỊA CHỈ: QL 13 - ẤP BÌNH GIAO - XÃ THUẬN GIAO - HUYỆN THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐIỆN THOẠI: 0650 6285973 - 0650 3716043 - FAX: 0650 3716043



CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CÁN SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
ĐÃ THĂM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số ngày

消防系統總平面圖
MẶT BẰNG HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỔNG THỂ

GIẢI THÍCH KÝ HIỆU		GIẢI THÍCH KÝ HIỆU	
KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH	KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH
	ĐĂNG STY ĐĂNG ĐỒ - LẬP SẮT MỎ		KỔ HỘP CHỮA CHÁY HIỆN HỮU
	ĐĂNG STY - HẸN HỒ		TRỤ ĐỒ KẾ CỐA HỒ HIỆN HỮU
	ĐỒ PHẪU DRENCHER		ĐỒ MÁY BƠM CHỮA CHÁY HIỆN HỮU ĐƠN
	TRỤ KHỎA ĐỒ		ĐỒ MÁY BƠM CHỮA CHÁY HIỆN HỮU ĐƠN

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CÔNG TY TNHH NHÀ XƯỞNG SECURENMAN		BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM	CÔNG TY SX THẠCH ĐÀNG THIỆN UY	MẶT BẰNG HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỔNG THỂ		MNC: <table border="1"><tr><td>01</td></tr><tr><td>03</td></tr></table>	01	03
01						
03						
CHẠM ĐỌC	CHẠM ĐỌC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	05/05/2010		
		<i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>	<i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>	VỀ		
		KS NGUYỄN VINH HOA		NGUYỄN VĂN NGHĨA		

*Hiện có phòng chữa cháy (đồ) chữa cháy
Hiện có phòng chữa cháy*

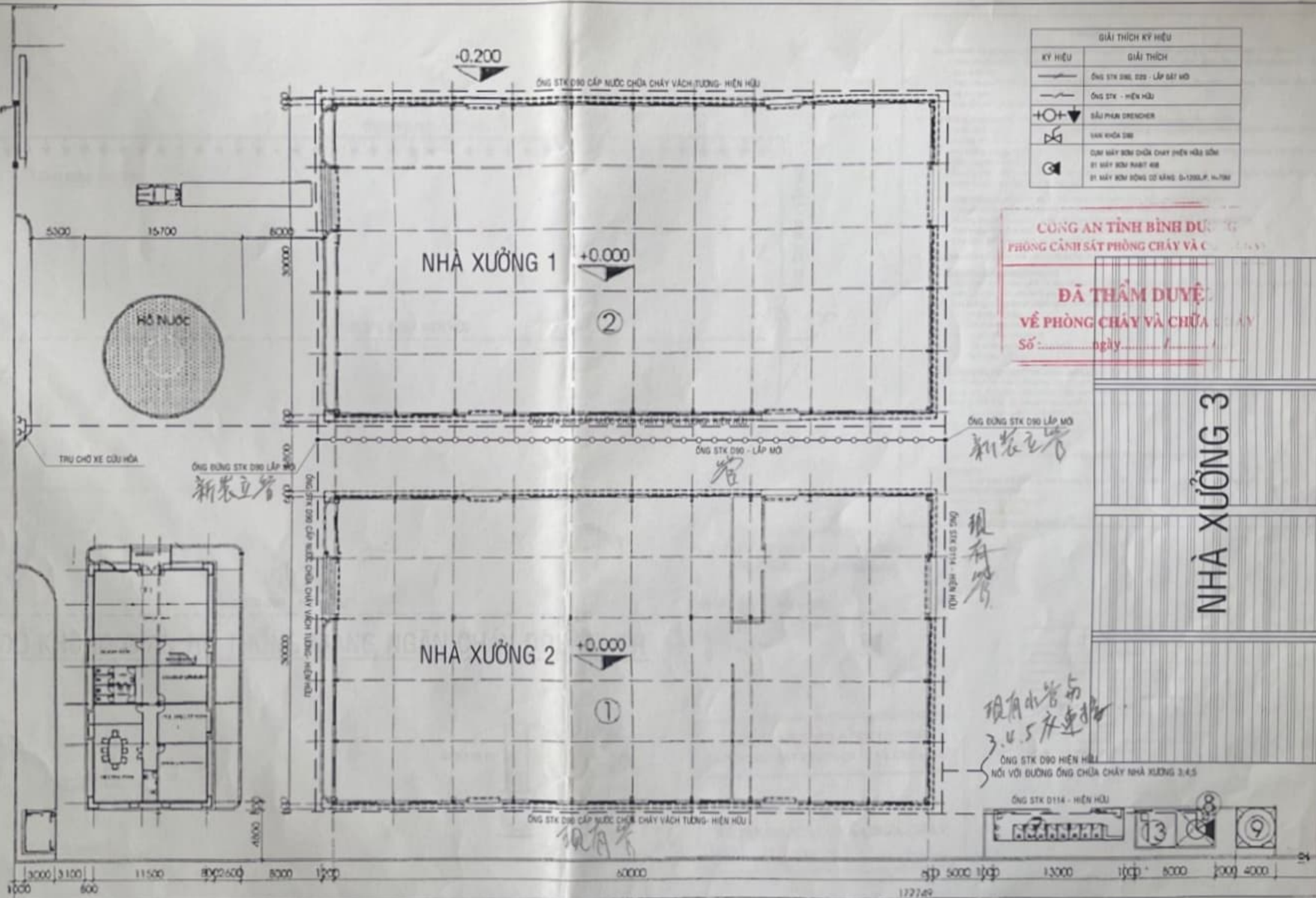


GIẢI THÍCH KÝ HIỆU	
KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH
	ỐNG STK D114 - LẮP MỎ
	ỐNG STK - HIỆN HỮU
	SẤU PHÂN DRENCHER
	VAN KHÓA D114
	CỤM MÁY BƠM CHỮA CHÁY HIỆN HỮU SƠM B1 MÁY BƠM NHẬT 400 B1 MÁY BƠM ĐỒNG CỒ KANG S-1200LF, H-700

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CỨU HỘ

ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số: ngày: / /

NHÀ XƯỞNG 3



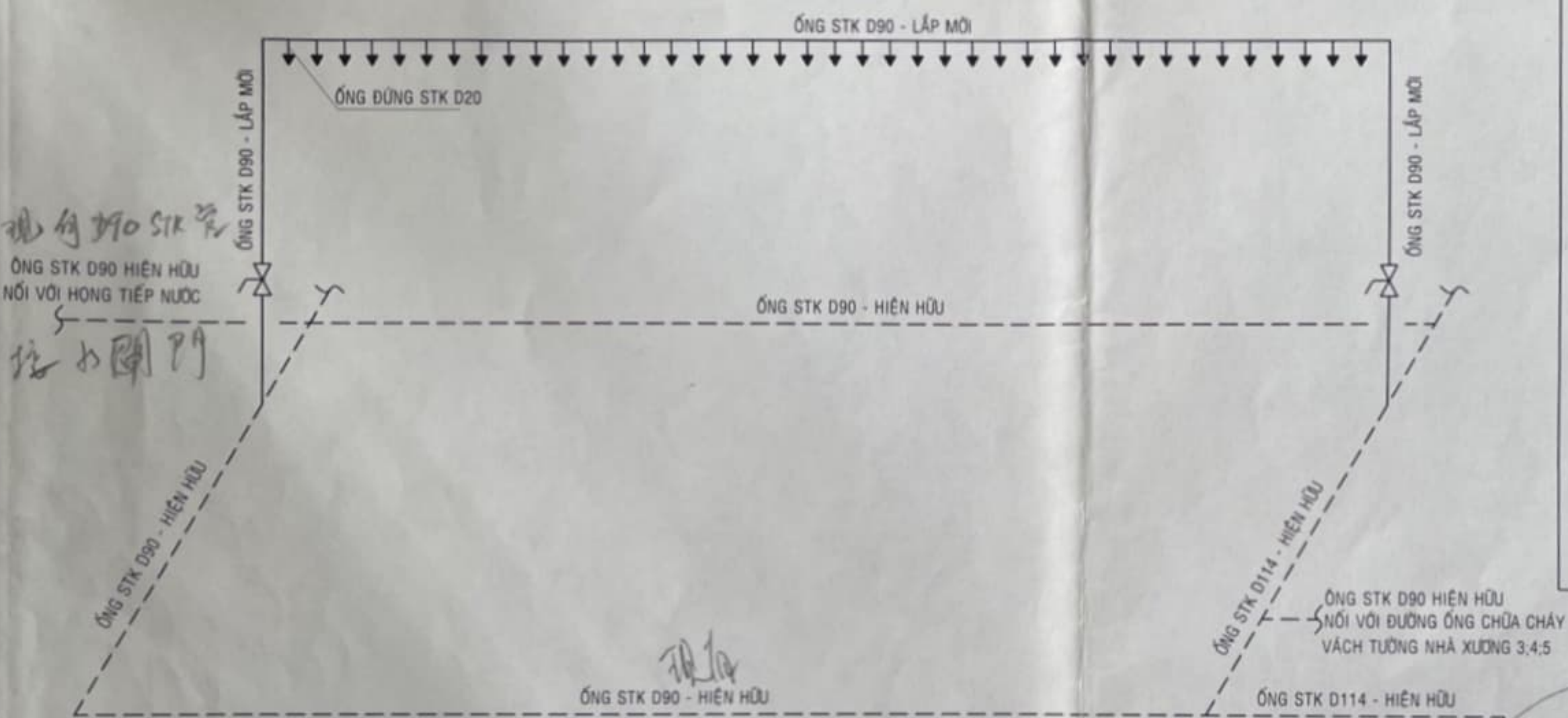
MẶT BẰNG HỆ THỐNG MÀNG NGĂN CHÁY DRENCHER

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	TÊN CÔNG TRÌNH	BẢN VẼ
CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG ĐIỆN LẠNH VÀ ĐIỀU KHIỂN KHÔNG KHÍ	NHÀ XƯỞNG SECURENMAN	THIẾT KẾ THI CÔNG
		MẶT BẰNG HỆ THỐNG MÀNG NGĂN CHÁY DRENCHER	MNC: 02 03
		CHỦ TRÌ	05/05/2010
		THIẾT KẾ	VẼ
		<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
		KS. NGUYỄN VINH HOA	NGUYỄN VĂN NGHĨA

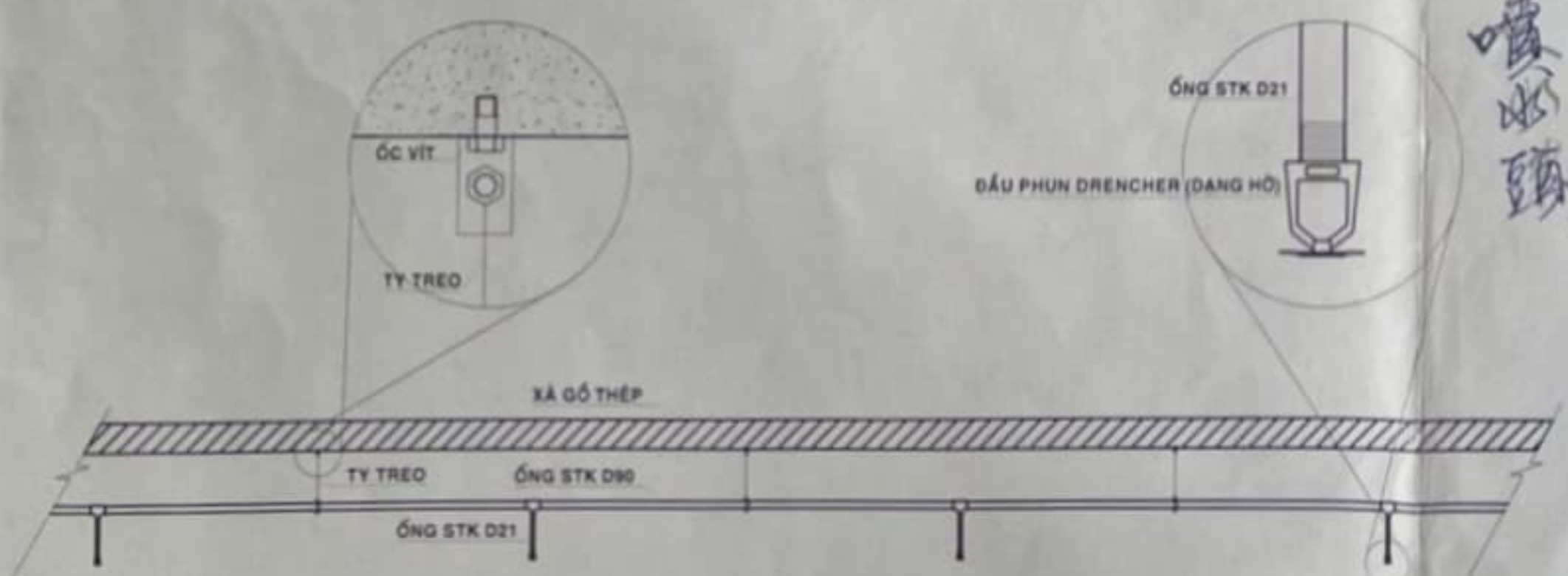


THUYẾT MINH

- Cơ sở thiết kế hệ thống màng nước ngăn cháy cho Nhà xưởng - công ty Secureman Việt Nam:
 - Tiêu chuẩn PCCC Việt Nam TCVN 2622-1995 - Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế
 - Tiêu chuẩn TCVN 7336.2003 - Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống Sprinkler tự động. Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.
 - Các tiêu chuẩn khác hiện hành.
- Hệ thống màng nước ngăn cháy Drencher phải đáp ứng được những yêu cầu sau đây:
 - Giữa nhà xưởng 1 và xưởng 2 được thiết kế 1 hệ thống màng nước ngăn cháy drencher để chia 2 nhà xưởng thành 2 khu vực riêng biệt.
 - Hệ thống màng nước ngăn cháy drencher phải đảm bảo ngăn không cho cháy lan giữa các khu vực tiếp giáp nhau của nhà xưởng.
 - Đường ống cấp nước cho các đầu phun drencher tạo màng nước ngăn cháy lấy từ đường ống cấp nước chữa cháy vách tường hiện hữu.
- Hệ thống màng nước ngăn cháy drencher bao gồm các thiết bị chính như sau:
 - Đầu phun Drencher (dạng hồ) tạo màng nước ngăn cháy lan.
 - Đường ống các loại cấp nước cho các đầu phun drencher tạo màng nước ngăn cháy.
 - Van khóa luôn ở trạng thái đóng, chỉ mở khi có sự cố cháy xảy ra.
 - Phụ kiện để hoàn chỉnh hệ thống tạo màng nước ngăn cháy.
- Các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị hệ thống màng nước ngăn cháy drencher:
 - Đầu phun Drencher (dạng hồ):**
 - Đầu phun Drencher phải là loại đầu phun nước có tốc độ cao. Đầu phun này có tác dụng khi có cháy toàn bộ diện tích phía dưới các đầu phun được phun chất chữa cháy.
 - Các thông số kỹ thuật chính của đầu phun như sau:
 - Vật liệu: Thép
 - Kích thước đầu nối: 15mm
 - Lưu lượng: 154l/phút
 - Áp suất làm việc: 7 Kg/cm²
 - K Factor: 77
 - Đường ống cấp nước cho màng ngăn cháy:**
 - Phần ống tại nhà xưởng thường dùng là thép tráng kẽm D90, được sơn chống gỉ và sơn đỏ. Được nối từ đường ống cấp nước chữa cháy vách tường có ống cấp chính từ máy bơm chữa cháy là thép tráng kẽm D114. Các ống nhánh ra các đầu phun là thép tráng kẽm D20.
 - Kích thước đường ống D20, D90, D114
 - Áp lực làm việc > 6 Kg/cm²
 - Áp lực thử > 9 Kg/cm²
 - Lắp đặt theo đúng bản vẽ thiết kế.
 - Các đường ống liên kết với nhau bằng hàn, mặt tích hoặc màng xông.
 - Van khóa:**
 - Van khóa luôn ở trạng thái thường trực đóng kín, chỉ được mở khi có sự cố cháy xảy ra.
 - Kích thước van D90
 - Áp lực làm việc > 6 Kg/cm²
 - Áp lực thử > 9 Kg/cm²
 - Lắp đặt theo đúng bản vẽ thiết kế.



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN HỆ THỐNG MÀNG NGĂN CHÁY DRENCHER



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ỐNG VÀ ĐẦU PHUN DRENCHER

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
 SỐ: ngày / /

GIẢI THÍCH KÝ HIỆU	
KÝ HIỆU	GIẢI THÍCH
	ỐNG STK D90 D90 - LẮP MỚI
	ỐNG STK - HIỆN HỮU
	ĐẦU PHUN DRENCHER
	VAN KHÓA D90
	ĐƯỜNG ỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG NHÀ XƯỞNG 3:4:5
	ỐNG STK D114 - HIỆN HỮU

噴頭
 現有示

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	TÊN CÔNG TRÌNH	BẢN VẼ
CÔNG TY TNHH SECUREMAN VIỆT NAM	CÔNG TY SX THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN UY	NHÀ XƯỞNG SECUREMAN	THIẾT KẾ THI CÔNG
		MẬT BẢNG HỆ THỐNG MÀNG NGĂN CHÁY DRENCHER	MNC. 03/03
		CHỦ TRÌ	05/05/2010
		THIẾT KẾ	VẼ
		KS. NGUYỄN VINH HOA	NGUYỄN VĂN NGHĨA

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
原則合約

Về việc : Thuê 20.000m² đất tại khu công nghiệp Mỹ Phước II
事項 : 在美福工業區 II 租 20,000m² 土地

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2005, chúng tôi gồm có:
今天, 2005年10月10日雙方代表如下:

Bên cho thuê (gọi tắt là bên A)/出租方 (簡稱為 A 方)

CÔNG TY THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN (BECAMEX CORP)
貿易投資&發展公司 (BECAMEX CORP.)

Địa chỉ : 99 Quốc Lộ 13, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
地址 : 平陽省土龍木市13號國路門牌99號
Điện thoại : 84-650-822655/811777 *Minh* Fax : 84-650-822713/811666
電話 : 84-650-822655/811777 傳真 : 84-650-822713/811666
Tài khoản : 65010370000686 (USD) hoặc 65010000000336 (VND),
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Bình Dương.
帳戶號碼 : 65010370000686 (USD) 或 65010000000336 (VND),
平陽省投資&發展銀行。
Đại diện : Ông NGUYỄN VĂN HÙNG Chức vụ : Tổng Giám đốc
代表人 : 阮文雄先生 職務 : 總經理

Bên thuê (gọi tắt là bên B)/承租方 (簡稱為 B 方)

TAIWAN SECUREMAN CO., LTD

Đại diện : Ông CHEN MU KUN Chức vụ : Tổng Giám đốc
代表人 : 陳木坤先生 職務 : 總經理
Quốc tịch : TAIWAN Số hộ chiếu: 131220391
國籍 : 台灣 護照號碼 : _____
Địa chỉ : 台北市和平東路3段308巷56號
地址 : 台北市和平東路3段308巷56號
Điện thoại : 00886-226689743 Fax : 00886-226805345
電話 : 00886-226689743 傳真 : 00886-226805345

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc thuê đất gắn liền với cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Mỹ Phước gồm các điều khoản như sau:

商討後, 雙方一致同意照以下條款簽署有關租土地連帶在美福工業區的基層基礎的原則合約書:

Điều 1 : Nội dung hợp đồng

第一條: 合約內容

- Bên A đồng ý cho bên B thuê lại quyền sử dụng lô đất E-9B-CN như nguyên trạng với tổng diện tích 20.000m², tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để bên B đầu tư xây dựng nhà xưởng và hoạt động sản xuất kinh doanh theo qui định của Giấy phép đầu tư (kèm theo sơ đồ vị trí lô đất).
A 方同意租給 B 方如現況位於平陽省, 檳吉縣, 美福工業區總面積為 20,000 m²(平方米)第 E-9B-CN 號塊地的土地使用權, 准予投資建設廠房及依照投資執照規定事項從事經營生產活動(請參考附帶的位置圖).
- Lô đất bên B thuê theo hợp đồng này gắn liền với các công trình hạ tầng công cộng mà bên A cho thuê phải được xây dựng theo đúng quy hoạch định hướng phát triển chung của Khu công nghiệp Mỹ Phước.
依照本合約, A 方所租給 B 方的地塊及連帶各項公共基礎建設, 須要依照美福工業區的定向發展規劃而建設。

3. Thời hạn cho thuê sẽ bắt đầu từ ngày ký Hợp đồng này cho đến hết ngày 14/01/2055 và được quyền ưu tiên tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với nhà nước theo qui định của pháp luật
 租地期限自簽署本合約起至2055年01月14日為止,同時有優先權依照法律規定繼續與政府簽署租地合約。
4. Các Bên đồng ý rằng Hợp đồng nguyên tắc này bao gồm những điều khoản và điều kiện được thỏa thuận giữa các Bên và đưa vào trong các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất. Bên cho thuê và Bên thuê sẽ ký kết Hợp đồng thuê lại đất sau khi Bên thuê nhận được Giấy phép đầu tư từ cơ quan thẩm quyền.
 雙方同意:本合約所包含的條款和條件是得到各方妥協而加入於土地轉租合同裡面的條款內。承租方在權責機關取得投資執照以後會與出租方簽署土地轉租合同。

Điều II : Giá cả cho thuê và các loại phí

第二條: 出租價格與各項費用

1. Tiền đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng là : 15 USD/m²

土地拆遷補償費與公共基層基礎投資的費用為: 15 USD/m²(平方米)

a. Diện tích đất sử dụng và chi phí: 15 USD X 20,000 m² = 300,000 USD
 土地的使用面積和費用

Thuế VAT/增值稅(10%) : = 30,000 USD

Tổng cộng/合計 : = 330,000 USD

b. Thanh toán: Sau khi ký Hợp đồng, Bên B sẽ thanh toán **330.000 USD** (Ba trăm ba mươi ngàn Đô la Mỹ) trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này cho bên A. Thời gian thanh toán được qui định cụ thể như sau:

付款:簽約後、B方於12個月之內結算**330,000 USD**(美金參拾參萬元)給A方自簽署本合約日算起、付款時間得規定如下:

- **Đợt 1:** Thanh toán 40% giá trị hợp đồng (**132.000USD**) trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng nguyên tắc.

第一期:自簽原則合約書後14天之內付合同價值的40% (**132,000 USD**)

- **Đợt 2:** Thanh toán 40% giá trị hợp đồng (**132.000 USD**) trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nguyên tắc.

第二期:自簽原則合約書後06個月之內付合同價值的40% (**132,000 USD**)

- **Đợt 3:** Thanh toán 20% giá trị hợp đồng (**66.000 USD**) trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nguyên tắc này.

第三期:自簽原則合約書後12個月之內付合同價值的20% (**66,000 USD**)

* Bên A phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên B chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày nhận đủ số tiền **330.000 USD**.

在A方全部收到了**330,000 USD**後最慢03個月要交給B方土地使用權證書。

2. Tiền thuê quyền sử dụng đất phải trả hàng năm là 0,20 USD/m² /năm

每年需付的土地使用權租金為 **0.20 USD/平方米/年**

a. Bên A đồng ý cho bên B thuê quyền sử dụng đất ở điều I với mức giá là **0,20 USD /m²/năm** (tính theo diện tích thuê **20.000 m²**) chưa bao gồm thuế VAT và thanh toán theo phương thức trả hàng năm, mỗi năm trả hai lần, mỗi lần nộp 50% số tiền thuê đất tính theo năm, và được tính từ ngày cấp Giấy phép đầu tư.

依照第一條款、A方同意以 **0.20 USD/平方米/年**(未含增值稅)的租地金租給B方土地使用權(以租 **20,000 m²**(平方米)的面積計算)付款方式以每年付兩次、每次繳每年的50%的租地金、自頒發投資執照日開始算。

b. Giá cả bên A cho thuê được ổn định trong một kỳ là 5 năm. Sau mỗi một kỳ 5 năm, nếu có sự thay đổi giá theo qui định của nhà nước, thì mỗi lần tăng giá không vượt quá 15% so với giá của kỳ 5 năm trước đó, và chỉ tăng giá cho thời gian của các kỳ thanh toán còn lại.

A方出租的價格穩定於每期05年。在每期05年後,如果依照國家的規定有所改變價格則每次增加不能超過前期05年價格的15%同時只能在剩餘的時間的每期付款增加。

c. Trường hợp sản phẩm của bên B làm ra có tỷ lệ xuất khẩu 80% trở lên liên tục trong suốt thời gian hoạt động của dự án, thì bên A đồng ý cho bên B được miễn tiền thuê đất 05 năm kể từ ngày cấp phép đầu tư. Nếu bên B có trên 20% sản phẩm tiêu thụ nội địa ở Việt Nam, thì không được hưởng miễn tiền thuê đất nêu trên.

如果B方生產出來的產品在整個投資案活動的期間中連續有出口率為80%以上則A方同意給B方免繳05年的土地租金自投資執照頒發日起。如果B方的產品在越南本地銷售20%以上則不能享有上述免繳土地租金。

3. Tiền phí quản lý phải trả hàng tháng là 0,02 USD/m²/tháng

每月需付的管理費為 0.02 USD/平方米/月

- a. Bên B đồng ý chi trả cho bên A chi phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng với mức phí là 0,02 USD/m²/tháng (không bao gồm thuế VAT) tính theo diện tích thuê 20.000 m² và thanh toán theo phương thức trả hàng tháng, trả vào ngày 30 của mỗi tháng và được bắt đầu tính kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư.

B方同意付給A方 0,02 USD/平方米/月(未含增值稅)的管理費與維修基礎建設費用, 依照 20,000 m²(平方米)租地面積計算, 付款方式為每月付, 在每月的30號付款, 自頒發投資執照日開始算。

- b. Mức phí quản lý bên A thu, được ổn định trong một kỳ là 5 năm. Sau mỗi một kỳ 5 năm nếu có tăng giá phí quản lý theo qui định của nhà nước, thì mỗi lần tăng giá không vượt quá 20% so với giá phí của kỳ 5 năm trước đó, và chỉ tăng giá cho thời gian của các kỳ thanh toán còn lại.

A方所收的管理費穩定於每期05年。在每期05年後, 如果依照國家的規定有所改變價格則每次增加不能超過前期05年價格的20%同時只能在剩餘的時間的每期付款增加。

4. Phí xử lý nước thải/污水處理費用

- a. Bên B phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ trong nhà máy, và đảm bảo đạt tiêu chuẩn tối thiểu là loại B không màu không mùi theo qui định của luật pháp môi trường Việt Nam trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp.

B方須在廠內建設污水處理系統, 並保證在排放污水到工業區的污水排水系統之前依照越南環保法律的規定最低要達到B級無顏色、無臭味的標準。

- b. Từ nước thải loại B, nhà máy xử lý nước thải bên A sẽ tiếp tục xử lý ra loại A để thoát ra ngoài môi trường tự do. Bên B sẽ nộp khoản chi phí xử lý nước thải từ loại B ra loại A là 0,25 USD/m³ (Số lượng được tính phí bằng 70% lượng nước cấp sử dụng thực tế và đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT) và được trả vào ngày 30 của mỗi tháng. Nhưng lượng nước thải tối đa là 80m³ ngày đêm, nếu vượt quá 80m³ ngày đêm Bên B tự xử lý ra loại A theo quy định của pháp luật Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường.

A方的污水處理廠從B級的污水繼續處理至A級予排放出去。B方需要繳污水處理費用, 即從B級處理至A級的費用是 0.25USD/m³ (以自來水實際用量的70%來計算, 此價格未含增值稅) 此費用每月30號付款。但是每天最多的排量為80m³, 如果超過80m³/天B方要依照越南環保法律的規定自己處理到A級。

- c. Nếu bên B có thể tự xử lý nước thải đạt được tiêu chuẩn loại A theo tiêu chuẩn quy định của luật pháp môi trường Việt Nam thì Bên A sẽ không thu phí xử lý nước thải.

如果B方能依照越南環保法律的規定把污水處理到A級標準, A方就不收污水處理費。

5. Tiền điện, nước và điện thoại

水、電與電話費用

Bên thuê sẽ ký hợp đồng trực tiếp với các cơ quan quản lý chuyên ngành về ngành điện, nước và Bưu điện của tỉnh Bình Dương. Toàn bộ chi phí lắp đặt, đấu nối và sử dụng do bên thuê chịu.

租方直接與平陽省的水、電與電訊專門管理的機關簽訂供應合約予使用。全部的安裝、接線與使用的費用由租方負擔。

ĐIỀU IV : Tiền đặt cọc, xin giấy phép và ký hợp đồng thuê lại đất

第四條 : 訂金、申請執照與簽訂土地轉租合同

1. Trong vòng 14 ngày sau khi ký hợp đồng nguyên tắc, bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền đặt cọc là 132.000 USD (Một trăm ba mươi hai ngàn Đô la Mỹ) tương ứng với khoản tiền thanh toán đợt I của tiền đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng như qui định tại điều II.1.b của hợp đồng này, và bên A có trách nhiệm bàn giao mặt bằng cho bên B quản lý và xây dựng nhà máy theo qui định tại điều I.1 của hợp đồng này

簽本合約後14天之內, B方須付給A方 132,000 USD(美金壹拾參萬貳仟元)訂金, 相當於本合約的第II.1.b項條款規定土地拆遷補償費與公共基礎投資建設費的第一期結算款, 同時A方負責依照本合約的第I.1條款規定移交土地給B方管理及建設廠房。

2. Sau khi ký Hợp đồng nguyên tắc, trong vòng 45 ngày, bên thuê phải tiến hành lập dự án và cung cấp các hồ sơ liên quan cho bên cho thuê để lập hồ sơ trình cơ quan thẩm quyền xin cấp giấy phép đầu tư cho Bên thuê.簽本合約後45天之內, 租方須要進行建立投資案並提供給出租方有關卷宗予在權責機關給租方申請投資執照。

3. Dự án của bên B sau khi được chấp thuận (đã cấp giấy phép đầu tư, khắc dấu và xác nhận ban giám đốc của công ty) bên thuê phải tiến hành ký kết hợp đồng thuê lại đất chính thức với bên cho thuê. Và số tiền

thanh toán nêu trên sẽ tự động trở thành khoản thanh toán đợt I của tiền đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng như đã qui định trong hợp đồng thuê đất

B方的投資案得到准許後(已取得投資執照、刻印章和確認公司的經理成員)B方要進行與A方簽署正式的土地轉租合同,上述的付款將自動轉為租地合約內已規定的土地拆遷補償費與公共基礎投資建設費的第一期結算款。

4. Trường hợp Bên B không thanh toán tiền đúng hạn như điều II bên trên cho Bên A, thì bên B phải chịu phạt với mức lãi suất là 1%/tháng trên số tiền quá hạn.

在B方不依照第二條款規定付款給A方的場合,B方須要加付過期款的利息款1%/月之罰款。

Nếu trễ hạn thanh toán xảy ra quá 90 ngày liên tục, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.

若超過付款期限的連續90天,A方有權單方取消本合約。

ĐIỀU V : Chấm dứt hợp đồng và hoàn trả tiền đặt cọc

第五條 : 終止合約與退還訂金

1. Trường hợp dự án của bên B không được chấp thuận(không được cấp giấy phép đầu tư) hai bên sẽ thống nhất lại để hủy bỏ dự án, và trong vòng 7 ngày bên A hoàn trả lại số tiền đã đặt cọc nêu trên cho bên B
如果B方的投資案不能通過(不頒投資執照)雙方會再統一意見來取消投資案,同時於07天之內出租方退還以上的訂金給租方
2. Hợp đồng này sẽ trở nên vô hiệu nếu sau 14 ngày sau khi ký hợp đồng nguyên tắc, bên thuê không chuyển khoản tiền đặt cọc vào tài khoản của bên cho thuê theo qui định trong điều II.1.b
本合約將無效如果在簽署本合約的14天後,租方不依照第II.1.b條款規定,匯款訂金給出租方。
3. Bên cho thuê sẽ không hoàn trả tiền cọc cho bên thuê, không tiếp tục giữ đất và được phép cho thuê lô đất này cho nhà đầu tư khác theo những trường hợp sau đây:
依照下列的情形,出租方將不退還訂金給租方,不繼續保留土地並有權把這塊土地租給其他的投資者。
 - Bên thuê không tiến hành đúng thời gian cung cấp tài liệu cho bên cho thuê để lập dự án xin cấp giấy phép đầu tư trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng này (ngoại trừ trường hợp bên thuê cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu tại điều II)
自簽訂本合約後45天之內,租方不依期提供資料給出租方以建立投資案申請投資執照(除非租方保證依照合同第二條規定付款)
 - Sau khi bên thuê nhận được giấy phép đầu tư trong vòng 01 tháng mà không chịu ký hợp đồng thuê lại đất với bên cho thuê, thì hợp đồng này cũng sẽ trở nên vô hiệu (ngoại trừ trường hợp bên thuê cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu tại điều II)
B方取得投資執照後01個月之內而不與出租方簽土地轉租合約則本合約也會變成無效(除非租方保證依照合同第二條規定付款)

ĐIỀU VI : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第六條 : 共同條款

Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào vi phạm điều khoản hợp đồng này gây nên tổn thất thì phải bồi thường thiệt hại cho đối phương. Nếu hai bên không thể giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án Kinh Tế tỉnh Bình Dương xử theo pháp luật Việt-Nam. Nếu bên nào không chấp thuận kết quả phán xét của Tòa, thì được quyền đưa ra Tòa Án tối cao Việt-Nam xét xử. Phí Tòa án do bên thua kiện chịu.
在實現期間,若哪一方違背此合約之條款而造成對方之損失需賠償對方之損失。若爭議非雙方所能解決將轉送平陽省經濟法庭並根據越南之法律審理,若哪一方不接受法庭之解決則有權利轉送越南最高法院處理,費用由敗訴方承擔。

Hợp đồng nguyên tắc này là cơ sở để ký hợp đồng chính thức và là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng thuê lại đất. Hợp đồng này được lập thành 04 bản (tiếng Việt và tiếng Hoa) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản có hiệu lực kể từ ngày ký.

本原則合約書為簽署正式合約的基礎也是土地轉租合約不可分開的一部份。本合約立成4份(越文與中文版)具有相同之法律價值,各方保留2份,由簽署日起生效。

ĐẠI DIỆN BÊN A

A 方代表

ĐẠI DIỆN BÊN B

B 方代表

NGUYỄN VĂN HÙNG

陳木坤

MASTER PLAN MY PHUOC INDUSTRIAL PARK



TAIWAN SECUREMAN

Bình Dương, ngày 10 tháng 10 năm 2005

BECAMEX CORP.



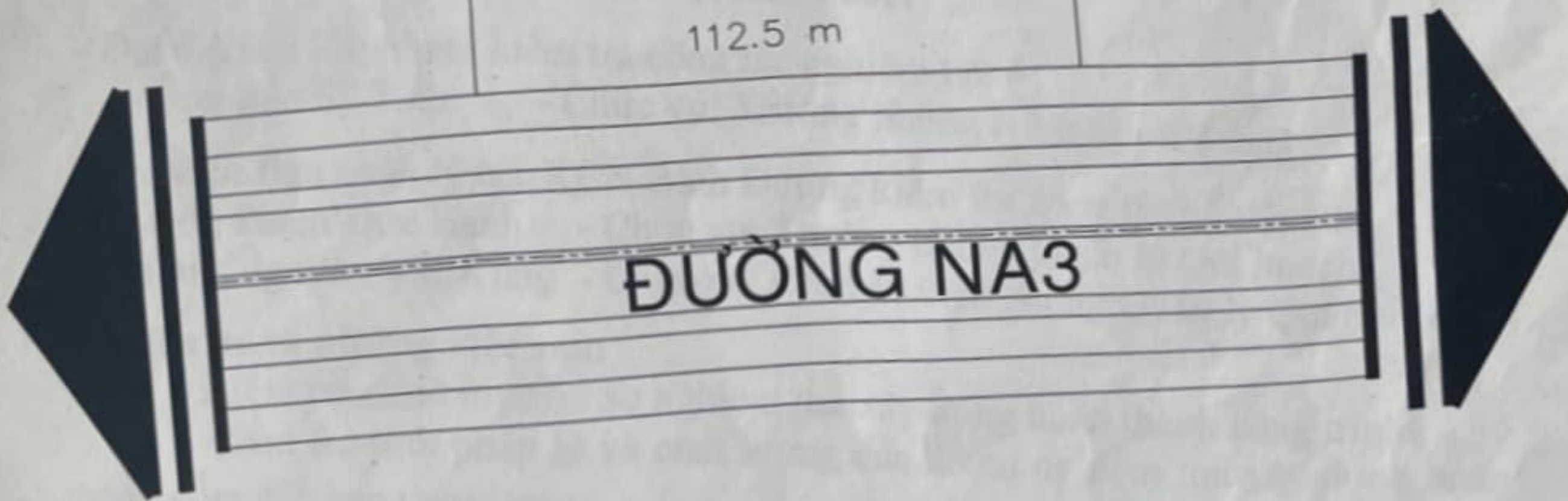
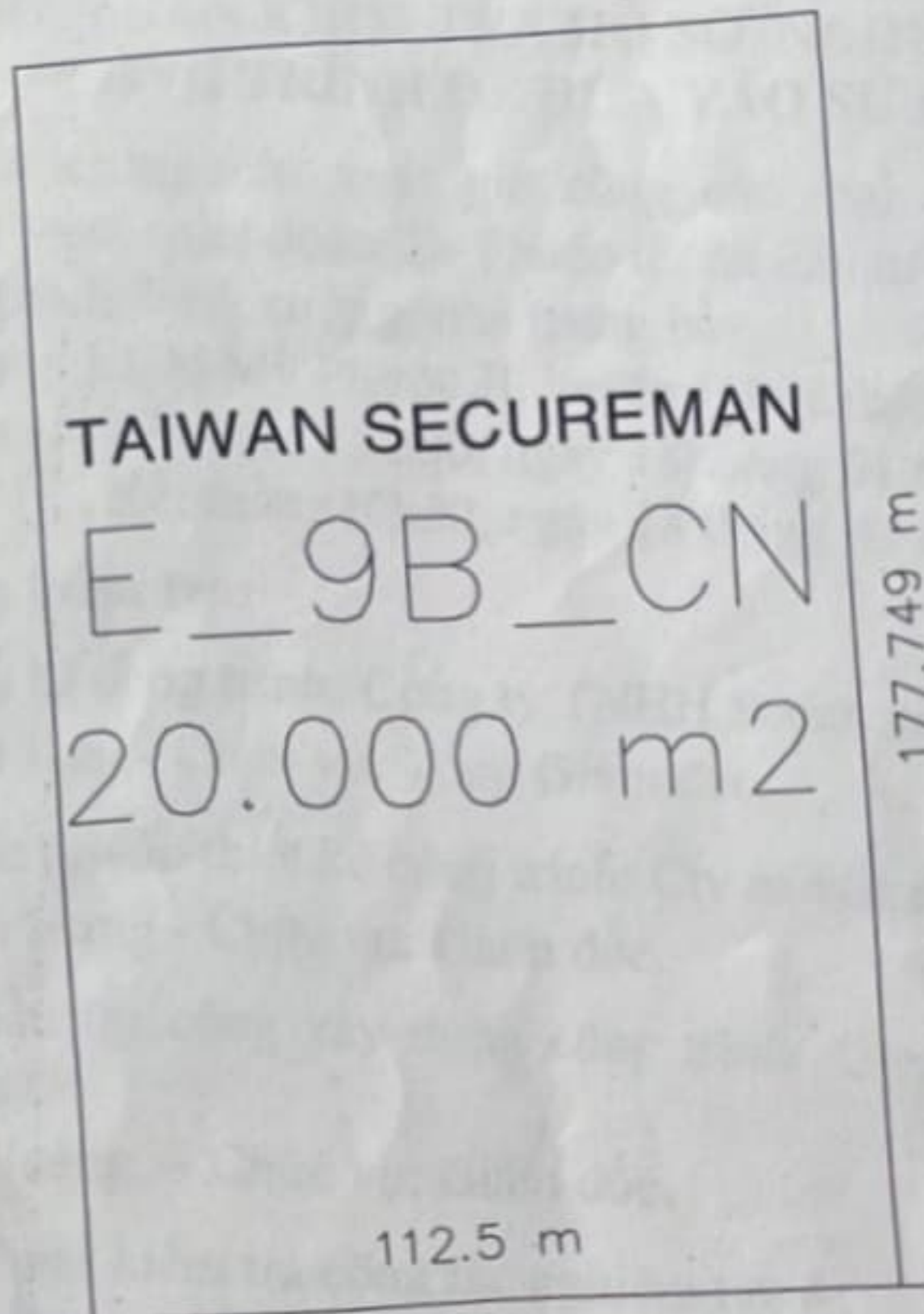
10/10 2005



Nguyễn Văn Hùng

MY PHUOC INDUSTRIAL PARK

ALLOCATION PLAN OF TAIWAN SECUREMAN



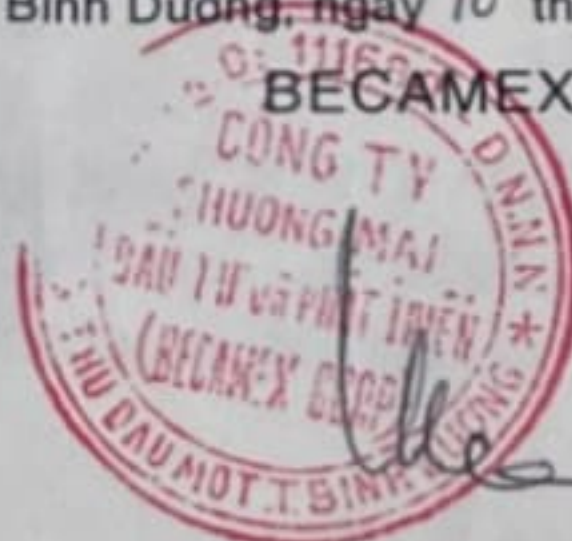
TAIWAN SECUREMAN

Bình Dương, ngày 10 tháng 10 năm 2005

BEGAMEX CORP. *la*

Nguyễn Văn Hùng

10/10/2005



Nguyễn Văn Hùng

Số: 06 /BQL-QH

Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 01 năm 2007

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU
CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình: Nhà xưởng sản xuất gia công các loại cửa của công ty TNHH Securenman Việt Nam. (giai đoạn 2). Thuộc dự án đầu tư nhóm B.

Hạng mục công trình: Nhà xưởng, nhà trưng bày.

Địa điểm xây dựng: KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Thời gian kiểm tra: . Bắt đầu: 9h30, ngày 18 tháng 01 năm 2007.

. Kết thúc: 10h30, ngày 18 tháng 01 năm 2007.

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: Công ty TNHH Securenman Việt Nam.
+ Ông Chen Mu Kun - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Đại diện Nhà thầu tư vấn thiết kế công trình: Cty tư vấn đầu tư Sáng tạo Việt.
+ Ông Vũ Thịnh Hưng - Chức vụ: Giám đốc.
- Đại diện Nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty TNHH xây lắp và thương mại Hải Âu.
+ Ông Vũ Huy Hoàng - Chức vụ: Giám đốc.
- Đại diện sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu:
+ Ông Trần Sỹ Toán - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật.
- Đại diện Ban quản lý các KCN Bình Dương kiểm tra công tác nghiệm thu:
+ Ông Phạm Đức Hanh - Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Quy hoạch.
+ Ông Nguyễn Văn Tùng - Chức vụ: Chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch.

Đã tiến hành những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu xây dựng hoàn thành công trình.
- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu xây dựng hoàn thành gồm các hạng mục sau:

I/ Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà xưởng 01 tầng, cấp III.
- Diện tích: . Diện tích xưởng: 4.000m²
 - . DT bãi container có mái: 320m².
 - . DT bãi container không mái: 480m²
 - Tổng diện tích: 4.800m²
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng BTCT. Tường xây gạch cao 4m, phía trên ốp tole. Cửa kính khung sắt, cửa cuốn. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole có lớp cách nhiệt, không có trần. Nền bê tông cốt thép xoa phẳng.



2/ Nhà trưng bày:

- Qui mô: Nhà cấp IV.
- Diện tích: 300,98m²
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng BTCT. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Mái lợp ngói. Vì kèo, đòn tay bằng thép. Trần thạch cao khung nhôm. Nền lát gạch ceramic.

Công trình có tiết kế hệ thống cấp thoát nước, điện chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia đã có kết luận:

1. Qui mô xây dựng các hạng mục công trình thực hiện theo quyết định chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình số 5256/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương cấp.
2. Căn cứ Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây Dựng, hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình nhà xưởng của công ty TNHH Securenman Việt Nam, tại thời điểm kiểm tra còn thiếu một số nội dung sau:
 - Hồ sơ năng lực hoạt động của nhà thầu: Khảo sát, thiết kế công trình.
 - Hồ sơ chất lượng thi công (nhật ký công trình, phiếu kiểm định vật liệu ...)
 - Biên bản nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hạng mục công trình.
3. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung các nội dung nêu trên vào hồ sơ nghiệm thu xây dựng hoàn thành công trình.

Đại diện Chủ đầu tư
Cty TNHH SECURENMAN VIỆT NAM



Đại diện đơn vị thi công
Cty TNHH XÂY LẬP TM HẢI ÂU



Đại diện
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRẦN SỸ TOÁN

Đại diện
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÌNH DƯƠNG
TL. TRƯỞNG BAN
TP. QUẢN LÝ QUI HOẠCH



PHẠM ĐỨC HẠNH

Đại diện đơn vị thiết kế
Cty TNHH tư vấn đầu tư và XD Sang tạo Việt



Thịnh Hưng

Cty TMDT & PT Bình Dương
(BECAMEX CORP)

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC RANH, DIỆN TÍCH
SỬ DỤNG ĐẤT TAIWAN SECUREMAN**

Hôm nay ngày 24/10/2005, tại công trường KCN Mỹ Phước 2, thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--------------------------|
| 1. Ông Hồ Minh Quang | Giám đốc KCN Mỹ Phước |
| 2. Ông Lê Văn Hiền | K/s Trưởng KCN Mỹ Phước |
| 3. Ông Đặng Văn Cu | CB Trắc đạc KCN Mỹ Phước |
| 4. Ông | ĐD Cty TAIWAN SECUREMAN |

Đã tiến hành đo đạc, bàn giao lô đất E-9B KCN Mỹ Phước 2 cho Cty TAIWAN SECUREMAN với diện tích 20.000 m² (kích thước: 112.518m*177.749m) gồm các mốc ranh T1, T2, T3, T4 có tứ cận và số liệu như sau:

- Phía Bắc giáp :
- Phía Đông giáp:
- Phía Nam giáp : Đường NA3
- Phía Tây giáp :

STT	TÊN MỐC RANH	TOẠ ĐỘ		TÊN CAO TRÌNH	CAO ĐỘ (m)
		X (m)	Y (m)		
1	T1	1231969.170	567381.866	ĐC18	36.026
2	T2	1231978.530	567493.996		
3	T3	1232155.663	567479.207		
4	T4	1232.146.303	567367.079		

Biên bản lập thành 04 bản có sự đồng ý các bên:



Giám đốc KCNMP

Cty TAIWAN SECUREMAN

K/s Trưởng KCN MP

CB Trắc đạc

Hồ Minh Quang



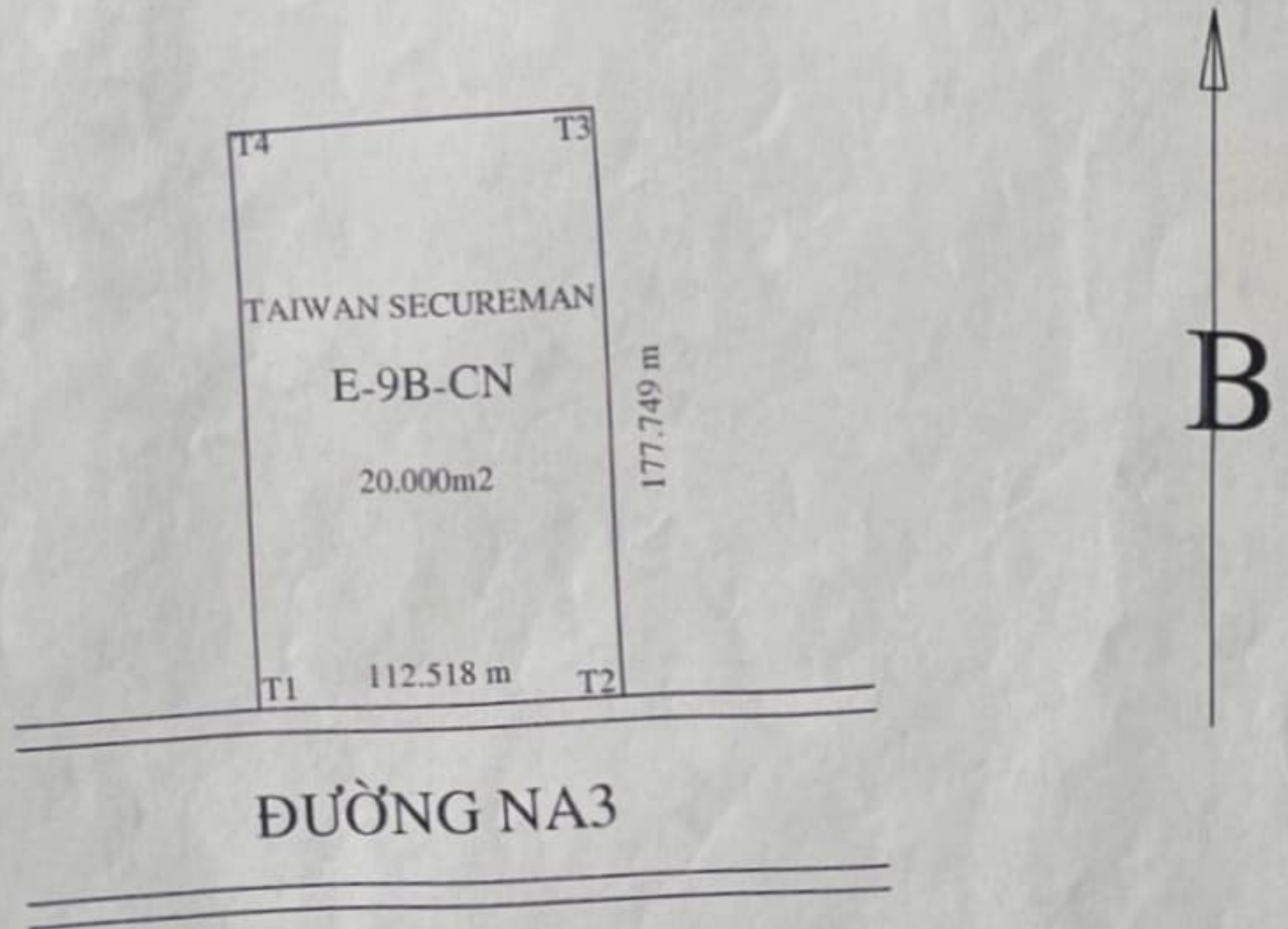
Lê Văn Hiền

Đặng Văn Cu

HIỆN TRẠNG LÔ ĐẤT E-9B-KCN MP2

CTY TAIWANSECUREMAN

DIỆN TÍCH 20.000 m² TỶ LỆ: 1/3000



Hồ Minh Quang

Khu vực KCN Mỹ Phước

ĐD Cty TAIWAN SECUREMAN



K/s Trưởng KCN MP

Đo vẽ xong ngày 24/10/2005

Lê Văn Hiến

Đặng Văn Cu

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 56 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

Địa chỉ: Lô E-9B-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

1) Tên công trình: Nhà kho giai đoạn 2 Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

2) Vị trí xây dựng: Lô E-9B-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3) Chi giới đường đỏ:

- Phía giáp đường NA3: cách 31,0m so với tim đường. Vị trí xây dựng tường rào theo thiết kế cách tim đường 31,0m.

4) Chi giới xây dựng:

- Phía giáp đường NA3: cách 5,0m so với chi giới đường đỏ. Vị trí xây dựng các hạng mục công trình theo thiết kế cách tường rào 42,0m.

5) Quy mô, các thông số kỹ thuật chủ yếu của các hạng mục công trình:

5.1) Nhà xưởng:

- Số tầng: 02 tầng.

- Chiều cao: 16,5m.

- Diện tích: 6.072m².

Trong đó:

+ Tầng trệt: 138m x 22m = 3.036m².

+ Lầu 1: 138m x 22m = 3.036m².

- Cấu trúc: Móng, cột, đà, sàn, cầu thang bê tông cốt thép. Khung, cột, kèo thép. Nền bê tông cốt thép. Tường xây gạch, sơn nước. Mái lợp tole. Cửa khung nhôm, khung sắt.

3. Các giấy tờ có liên quan:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 462043000131 chứng nhận lần đầu ngày 01/11/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 04/03/2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 722440 ngày 27/06/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

- Phiếu xác nhận số 450/PXN-UBND ngày 23/02/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án thành lập Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

- Giấy chứng nhận số 457/TD-PCCC ngày 27/10/2008 của Phòng cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Bình Dương về việc thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy công trình Nhà xưởng giai đoạn 2 Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

- Công văn số 01/CV-SCM ngày 29/05/2009 của Công ty TNHH Securenman Việt Nam về việc xin cấp Giấy phép xây dựng cho các công trình Nhà kho giai đoạn 2 Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

- Quyết định số 02/QĐ-SCM ngày 29/05/2009 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Securenman Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà kho giai đoạn 2 Công ty TNHH Securenman Việt Nam.

4. Kiến nghị:

- Phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan chức năng về đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy trong suốt quá trình triển khai xây dựng và hoạt động.

- Phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết về đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường như trong Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời hạn hiệu lực:

Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép./.

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 6 năm 2009

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLQH và XD;
- Lưu VT.



Trần Văn Liễu

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

- 1) Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
- 2) Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- 3) Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và các công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải ...).
- 4) Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- 5) Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

- 1) Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

- 2) Thời gian có hiệu lực của giấy phép:



Thủ Dầu Một, ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLQH và XD;
- Lưu VT.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 462043000131

(số giấy phép cũ 331/GP-KCN-BD)

Chứng nhận lần đầu : ngày 01/11/2005

Chứng nhận thay đổi lần thứ 5: ngày 26/4/2014

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 751/TTg ngày 15/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bến Cát để thành lập thị xã Bến Cát; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Tân Uyên để thành lập thị xã Tân Uyên và thành lập 16 phường thuộc thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, thị xã Thuận An và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận nhà đầu tư: TAIWAN SECUREMAN CO., LTD, giấy phép thành lập công ty số 80650504 do Chính quyền tỉnh Taipei cấp ngày 10/12/2003, địa chỉ trụ sở chính tại số 01F, số 56, Lane 308, Sec 3, Ho Ping E Road, Ta An Dist, Taipei City, Đài Loan. Người đại diện: Ông **Chen Mu-Kun**, sinh ngày 10/7/1961, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số 301527294 do Cơ quan Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 11/5/2010; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 7F, số 6, Lane 75, Chung Hua Road, San Hsia



Town, Taipei Country, Đài Loan; chỗ ở hiện nay tại đường NA 3, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chức vụ Tổng Giám đốc.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: **VIETNAM SECURENMAN CO., LTD**

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.

3. Địa chỉ trụ sở chính: đường NA 3, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Ngành, nghề kinh doanh: sản xuất gia công các loại cửa, vật trang trí nội thất bằng gỗ và kim loại, các loại máng dây điện công nghiệp, các loại sản phẩm bằng gỗ, thép và các phụ kiện liên quan. Sản xuất gia công dán ván lạng, ván ép, ngũ kim (khoá, bản lề, tay đẩy hơi, tay nắm các loại và các phụ kiện có liên quan); nhôm các loại (nhôm đúc, nhôm định hình, lan can nhôm), sơn tĩnh điện.

Stt	Mã ngành	Tên ngành
1	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
2	2790	Sản xuất thiết bị điện khác.
3	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.
4	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
5	2592	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

5. Vốn điều lệ: 46.200.000.000 đồng tương đương 2.800.000 đôla Mỹ; trong đó **TAIWAN SECUREMAN CO., LTD** góp 2.800.000 đôla Mỹ bằng 100% vốn điều lệ.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông **Chen Mu-Kun**, sinh ngày 10/7/1961, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số 301527294 do Cơ quan Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 11/5/2010; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 7F, số 6, Lane 75, Chung Hua Road, San Hsia Town, Taipei Country, Đài Loan; chỗ ở hiện nay tại đường NA 3, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chức vụ Tổng Giám đốc.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SECURENMAN VN



2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Quy mô dự án: sản xuất gia công cửa 120.000 bộ/năm, vật trang trí nội thất bằng gỗ và kim loại 40.000 bộ/năm, các loại máng dây điện công nghiệp 600.000 bộ/năm, các loại sản phẩm bằng gỗ 1.200 m³/năm, sản xuất gia công thép 500 tấn/năm, các phụ kiện liên quan 4.000.bộ/năm, dán ván lạng 240.000 tấn/năm, ván ép 100.000 tấn/năm, ngũ kim (khoá 150.000 bộ/năm, bản lề 2.000.000 bộ/năm, tay đẩy hơi 300.000 pcs/năm, tay nắm 100.000 pcs/năm), nhôm các loại (nhôm đúc 1.000 tấn/năm, nhôm định hình 200 tấn/năm, lan can nhôm 40.000 m/năm) sơn tĩnh điện 600 tấn/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: đường NA 3, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất sử dụng 20.000 m².

4. Tổng vốn đầu tư: 115,5 tỷ đồng tương đương 7.000.000 đôla Mỹ; trong đó, vốn góp để thực hiện dự án:

Tên thành viên	Giá trị góp (đôla Mỹ)	Loại vốn góp	Thời gian góp đến
TAIWAN SECUREMAN CO., LTD	1.880.000 920.000	Ngoại tệ	Đã góp

5. Thời hạn thực hiện dự án, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đến hết ngày 20/01/2055.

6. Tiến độ thực hiện dự án: sản xuất chính thức tháng 04/2006.

7. Doanh nghiệp khi thực hiện Dự án nêu tại Điều 2 được hưởng ưu đãi như sau:

a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% (mười lăm phần trăm) lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) cho thời gian còn lại.

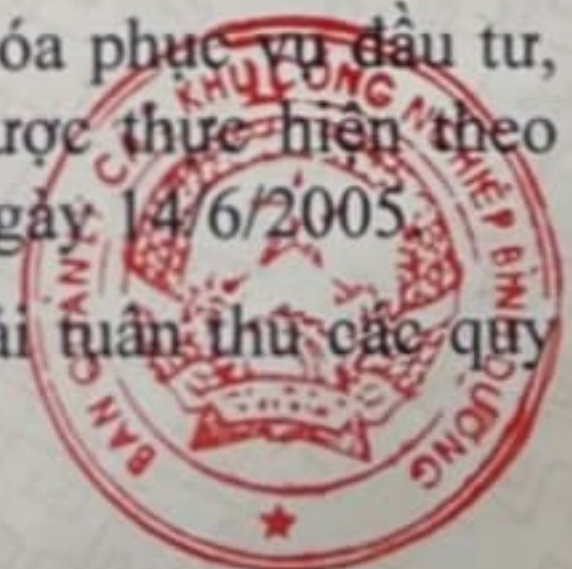
- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 7 (bảy) năm tiếp theo.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

b) Doanh nghiệp có nghĩa vụ trả tiền thuê mặt bằng và phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật của Bên cho thuê theo Hợp đồng ký kết giữa các Bên.

c) Thuế nhập khẩu, Thuế xuất khẩu đối với hàng hóa phục vụ đầu tư, xây dựng và sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp được thực hiện theo Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.



d) Doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường.

Doanh nghiệp phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể để đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho doanh nghiệp và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương.

TRƯỞNG BAN



Trần Văn Liễu

Số : 331/GPĐC1-KCN-BD

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 01 năm 2006

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 và Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định 152/2004/NĐ-CP ngày 06/08/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003;

- Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 15/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương;

- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao;

- Căn cứ Quyết định số 164-BKH/KCN ngày 26/06/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương;

- Căn cứ Giấy phép đầu tư số 331/GP-KCN-BD ngày 01/11/2005 của CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM đầu tư tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

- Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư của CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM đến ngày 20/01/2006.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 :

Chuẩn y việc tăng vốn đầu tư và vốn pháp định của CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM.

Điều 2 :

Vốn đầu tư và vốn pháp định của Doanh nghiệp quy định tại Điều 3 của Giấy phép đầu tư số 331/GP-KCN-BD ngày 01/11/2005 được điều chỉnh như sau :

Điều 3:

a) Vốn đầu tư đăng ký của Doanh nghiệp là 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đôla Mỹ;

b) Vốn pháp định của Doanh nghiệp là 735.000 (bảy trăm ba mươi lăm ngàn) đôla Mỹ.



Điều 3 :

Mọi điều khoản khác của Giấy phép đầu tư số 331/GP-KCN-BD ngày 01/11/2005 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 4 :

Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép đầu tư số 331/GP-KCN-BD ngày 01/11/2005, đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận sửa đổi những điều khoản liên quan đến Giấy phép điều chỉnh này của Điều lệ CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5 :

Giấy phép này được lập thành 5(năm) bản gốc; năm bản cấp cho chủ đầu tư, một bản cấp cho CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM, một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và một bản đăng ký tại Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương.



TRƯỞNG BAN

Trần Văn Liễu

Số : 331/GP-KCN-BD

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 11 năm 2005

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 và Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định 152/2004/NĐ-CP ngày 06/08/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003;

- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao;

- Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 15/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương;

- Căn cứ Quyết định số 164-BKH/KCN ngày 26/06/1997 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương;

- Xét đơn và hồ sơ dự án thành lập CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM đầu tư tại khu công nghiệp Mỹ Phước II nộp ngày 26/10/2005.

QUYẾT ĐỊNH

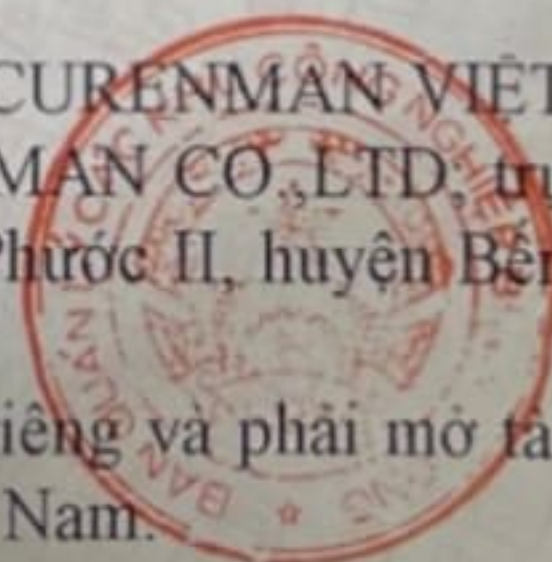
Điều 1 :

Cho phép TAIWAN SECUREMAN, giấy phép thành lập số 80650504 cấp ngày 14/12/2004, địa chỉ trụ sở chính tại 1F, No.56, Lane 308, Sec.3, Ho Ping E.Rd Ta An Dist, Taipei City, Đài Loan, Quốc gia đầu tư Trung Quốc (Đài Loan); đại diện được ủy quyền Ông CHEN, MU-KUN, Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), sinh ngày 10/07/1961, hộ chiếu số 131220391 cấp ngày 05/02/2001, địa chỉ cư trú tại 7F, No.6, Lane 75, Chung Hua Rd, San Hsia Town, Taipei County, Đài Loan

thành lập Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Doanh nghiệp có tên gọi là CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM, tên giao dịch tiếng Anh là VIETNAM SECUREMAN CO.,LTD, trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.



Điều 2 :

a) Mục tiêu và phạm vi kinh doanh của Doanh nghiệp: sản xuất gia công các loại cửa, cửa sổ, vật tư trang trí nội thất bằng gỗ và kim loại và các phụ kiện liên quan.

b) Sản phẩm của Doanh nghiệp để xuất khẩu và tiêu thụ tại Việt Nam.

Điều 3 :

a) Vốn đầu tư đăng ký của Doanh nghiệp là 1.100.000(một triệu một trăm ngàn) đôla Mỹ;

b) Vốn pháp định của Doanh nghiệp là 333.000(ba trăm ba mươi ngàn) đôla Mỹ.

Điều 4 :

Thời hạn hoạt động của Doanh nghiệp là 49(bốn mươi chín) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư.

Điều 5 :

a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam :

- Thuế thu nhập Doanh nghiệp hàng năm bằng 15% (mười lăm phần trăm) lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; Thuế thu nhập Doanh nghiệp hàng năm bằng 28% (hai mươi tám phần trăm) cho thời gian còn lại.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3(ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 7(bảy) năm tiếp theo.

b) Doanh nghiệp có nghĩa vụ trả tiền thuê mặt bằng và phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Mỹ Phước II cho Bên cho thuê theo Hợp đồng ký kết giữa các Bên.

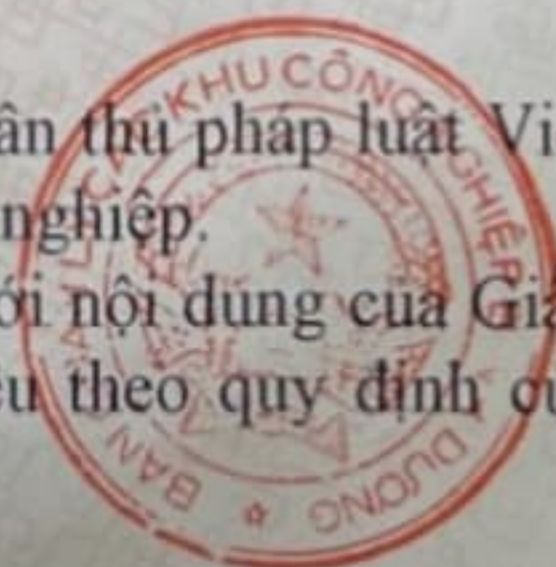
c) Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 6 :

Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép đầu tư, Điều lệ doanh nghiệp.

Mọi Điều khoản của Điều lệ Doanh nghiệp trái với nội dung của Giấy phép đầu tư này và pháp luật Việt Nam phải được hiểu theo quy định của Giấy phép đầu tư này và pháp luật Việt Nam.



Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải; bảo vệ môi trường, môi sinh, phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo các quy định của Nhà nước Việt Nam.

Điều 7 :

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ Doanh nghiệp của CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8 :

Giấy phép này được lập thành 5(năm) bản gốc; một bản cấp cho chủ đầu tư, một bản cấp cho CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM, một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và một bản đăng ký tại Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương. *12*



TRƯỞNG BAN

Trần Văn Liễu

Trần Văn Liễu

Số: 1083/KĐ-PCCC(TT...)

GIẤY CHỨNG NHẬN

KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Căn cứ kết quả kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại biên bản kiểm định ngày 15 tháng 12 năm 2007 của Trung tâm Nghiên cứu KHCN PCCC;
- Xét đề nghị của Cty TNHH Secureman VN về việc kiểm định phương tiện PCCC tại văn bản số: ngày 12 tháng 11 năm 2007,

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/ lô phương tiện: Mẫu vật liệu làm cửa chống cháy ghi tại trang 2 của Công ty TNHH Secureman VN, NA3-KCN Mỹ Phước II-Bến Cát-Bình Dương

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này bảo đảm các thông số kỹ thuật và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Giấy Chứng nhận này có giá trị đến hết tháng 12 năm 2009

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2007

P. CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT PCCC

(Ký tên đóng dấu)



Đại tá Nguyễn Văn Tươi

**BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ KIỂM ĐỊNH**

Số TT	Tên phương tiện	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Số hiệu kiểm định
1	Mẫu vật liệu làm cửa chống cháy. Mẫu có độ dày tổng thể 41mm, phía ngoài là 2 lớp ván ép dán hoa văn có độ dày 4mm, tiếp theo là 2 lớp ván cách nhiệt có độ dày 3mm. Trong cùng là lớp giấy tổ ong chống cháy dày 27mm. Đạt giới hạn chịu lửa là: 60 phút/.		Mẫu	04	Công ty TNHH Secureman VN	2007	Kiểm định theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN 2622 - 1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình Yêu cầu thiết kế"
Giấy Chứng nhận này có giá trị đến hết tháng 12 năm 2009							ST

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Căn cứ kết quả kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại biên bản kiểm định ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Trung tâm Khoa học công nghệ PCCC;
- Xét đề nghị của Chị SECURENMAN VN về việc kiểm định phương tiện PCCC tại văn bản số: 26/9 CV ngày 6 tháng 10 năm 2006.

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/ lô phương tiện: Giỏ thép chống cháy ghi tại trang 2 của Lông ty TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này bảo đảm các thông số kỹ thuật và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Thanh

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2006
P. CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT PCCC
(Ký tên đóng dấu)

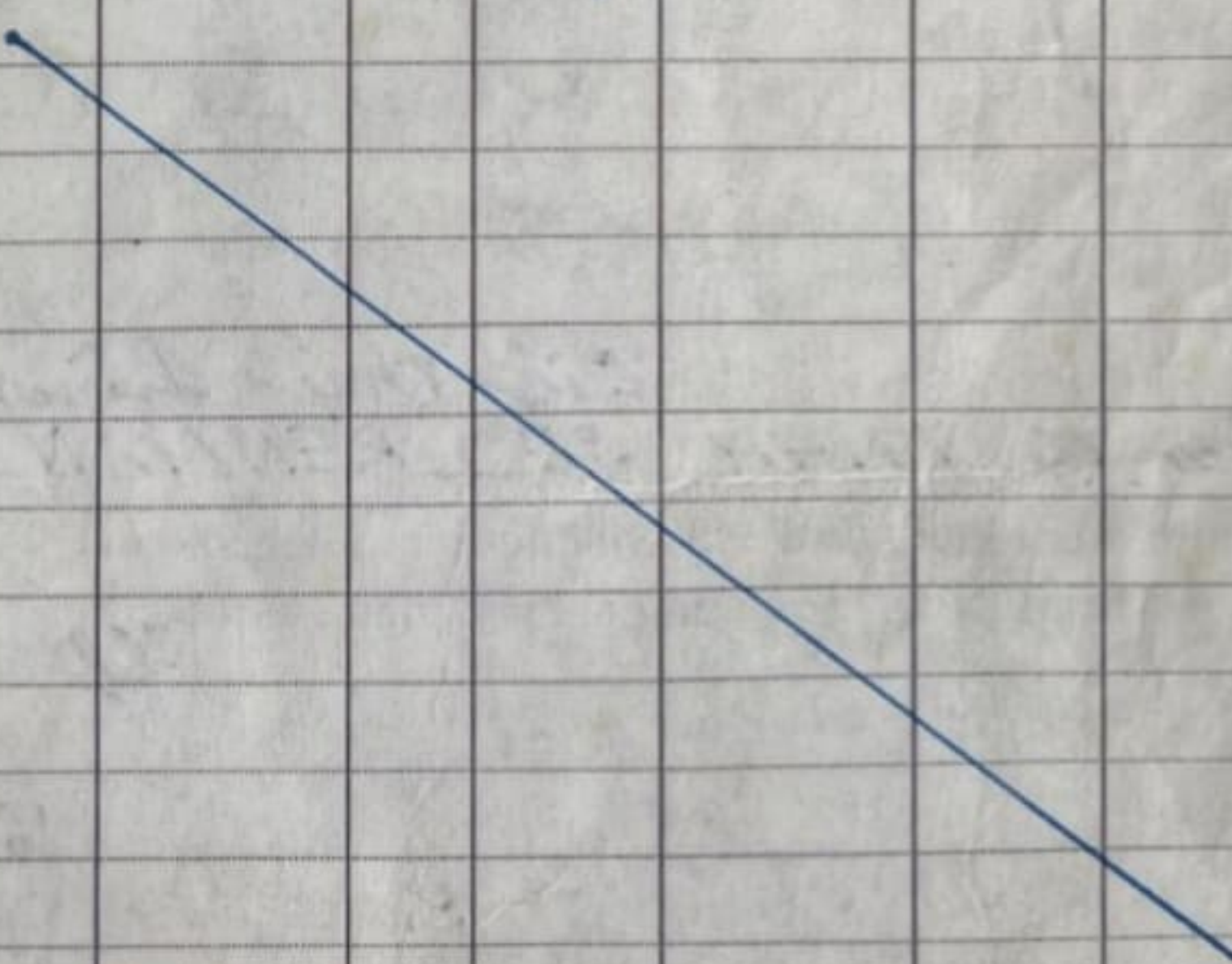


Đ. Khánh

Đại tá ĐIÊN KHÁNH

BẢNG THỐNG KÊ

PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ KIỂM ĐỊNH

Số TT	Tên phương tiện	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Số hiệu kiểm định
1.	Cửa thép chống cháy 0,8mm có giới hạn chịu lửa là 120 phút.	C080-1	Bộ	2 mẫu	Công ty SECURENMAN VN.		
2.	Cửa thép chống cháy 1,0mm có giới hạn chịu lửa là 180 phút.	C100-2	Bộ	2 mẫu	Công ty SECURENMAN VN.		
<p>Ghi chú: Hai mẫu cửa thép chống cháy trên được kiểm định theo Tiêu chuẩn Việt Nam:</p> <p>a- TCVN 2622-95 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.</p> <p>b- TCXDVN 342:2005. Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu của tòa nhà.</p>							
							

Số: 475 /TD-PCCC (.....)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
 - Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
 - Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
 - Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 06 ngày 12/10/2008
- của: CONG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Người đại diện là ông/ bà: Parkson Chiu Chức danh Phó tổng giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG GIAI ĐOẠN 2

- (2) Địa điểm: Đường NA3 - KCN Mỹ Phước II - Bến Cát - Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Cong ty TNHH Securenman Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TM & KT PCCC Phú Thịnh
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động

- theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) - Cửa thoát nạn phải mở ra ngoài theo hướng thoát nạn (Mục 7)
- Đường giao thông phải dọc 2 phía nhà xưởng và đảm bảo > 3,5m (Mục 9). Bố trí lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn cho công trình (Mục 7) TCVN 2622-1995.
- Thiết kế lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Nghiêm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động (Điều 16 Luật PCCC).

Thủ Dấu Một ngày 27 tháng 10 năm 20 08

(4) **TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo)
- Công ty TNHH Securenman Việt Nam
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.



THƯỢNG TÁ: Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (kỳ tên, đóng dấu).

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 04/CV ngày 30/12/2005 của: Cty TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Người đại diện là ông/ bà: CHEN MU KIN Chức danh Tổng Giám Đốc

(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) Cty TNHH SECURENMAN VIỆT NAM

Địa điểm: KCN Mỹ Phước II, Bến Cát, Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Cty TNHH Securenman Việt Nam

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH Tư vấn Xây dựng Tín Đức

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Nhà xưởng 1,2
- Văn phòng
- Khối phụ trợ
- Cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Xây dựng bể nước chữa cháy 162 m³

- Trang bị 02 máy bơm chữa cháy lưu lượng 1200l/ph, Độ cao tâm họng nước chữa cháy 1.25m.
- Cửa tại xưởng và văn phòng phải mở ra ngoài. Khoảng cách giữa các xưởng và văn phòng 15m.
- Thiết kế lắp đặt hệ thống chống sét.
- Trang bị 08 bình chữa cháy các loại, 06 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC.
- Nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 01 năm 20 06

(4) TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC

Nơi nhận:

Nhà trên

Lưu PC23

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 92481

BẢN CẤP LẠI

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM (VN)
Đường NA3, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Số đơn: Dương
4-2006-10692

Ngày nộp đơn: 04.10.2006

Cấp theo Quyết định số: 18817/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

Cấp lại lần thứ: 01 Theo Quyết định cấp lại số: 2050/QĐ-SHTT, ngày: 20.08.2012



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Hữu Nam



VN 4-0092481

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 92481

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu:

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "VIETNAM", phần chữ Hán.

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Cửa chống cháy nổ làm bằng thép; cửa chống cháy nổ làm bằng nhôm; hộp kim loại chứa và đặt dây điện cho gọn (máng cáp điện bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa chống cháy nổ làm bằng gỗ.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 170161

BẢN CẤP LẠI

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM (VN)
Đường NA3, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Số đơn: 4-2006-10691

Ngày nộp đơn: 10.07.2006

Cấp theo Quyết định số: 28861/QĐ-SHTT, ngày: 22.08.2011

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

Cấp lại lần thứ: 01 Theo Quyết định cấp lại số: 2051/QĐ-SHTT, ngày: 20.08.2012



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Hữu Nam



VN 4-0170161

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 170161

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu:

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "SECURE", phần chữ Hán.

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Cửa chống cháy nổ làm bằng thép; cửa chống cháy nổ làm bằng nhôm; hộp kim loại chứa và dây dây điện cho gọn (máng cáp điện bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa chống cháy nổ làm bằng gỗ.



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP ĐỊA KỸ THUẬT NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH
Địa chỉ: 156/7A/9 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.8658478; Fax: 08.9707982; Email: ugfen@vnn.vn
๓๐๐๐๒๐

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHOAN KHẢO SÁT

ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM: KCN MỸ PHƯỚC 2 - HUYỆN BẾN CÁT - TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỦ TRÌ ĐỊA CHẤT

KỸ SƯ:

Phạm Trung Khoa

PHẠM TRUNG KHOA

Thành Phố Hồ Chí Minh, Tháng 11, Năm 2008

LIÊN HIỆP ĐỊA KỸ THUẬT NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH

GIÁM ĐỐC



KS. Phạm Văn Sơn





越南鋼木門 責任有限公司
CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM





越南
CÔNG TY



門 責任有限公司
SECURENMAN VIET NAM





南鋼木業
CÔNG TY TNHH SECURITY ANMAN VIỆT NAM











